



Số: 71A/2017/CV-TPF

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2017

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Tín Phát xin gửi tới Quý Ủy Ban lời chào trân trọng.
Liên quan đến báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2017, chúng tôi xin đính chính số liệu chỉ tiêu tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng trên Báo cáo soát xét tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại thời điểm 30/06/2017 đã phát hành ngày 09/08/2017, số 216/BCSX – BDO, như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu trên báo cáo soát xét đã phát hành	Số liệu đính chính
Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	1.447.200.352	1.880.520.352
Tổng giá trị rủi ro	6.447.200.352	6.880.520.352
Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng	470.8%	441,15%

Chúng tôi xin được giải trình như sau: Do chúng tôi chưa tính rủi ro tăng thêm 30% đối với rủi ro trước thời hạn thanh toán của khoản phải thu của công ty cổ phần Bất động sản Mùa Đông dẫn đến chỉ tiêu an toàn vốn khả dụng tăng. Tuy nhiên do sự thay đổi này không trọng yếu nên chúng tôi làm công văn này đính chính số liệu và không phát hành lại báo cáo soát xét.

Trên đây là giải trình của chúng tôi về số liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, kính mong Quý Ủy Ban chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT



VŨ THỊ LOAN

Xác nhận của Công ty kiểm toán

Các nội dung giải trình của Công ty cổ phần quản lý quỹ Tín phát là hoàn toàn phù hợp với bằng chứng chúng tôi thu thập được.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Vương

Số: 71/2017/TPF-BC

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30 tháng 06 năm 2017

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số: 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thủy Ngân

Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Thành Trung

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
TÍN PHÁT
Đ. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

Vũ Thị Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

Địa chỉ: P 305, Tầng 3, Tháp A, Sky Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A	Nguồn vốn			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	26,000,000,000	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	6,918,115,150	-	-
6	Quỹ dự phòng tài chính	406,947,950	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	406,947,950	-	-
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo qui định pháp luật	(3,366,559,152)	-	-
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	-	-
1A	Tổng	30,365,451,898		
1B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng		-	-
2	Trả trước cho người bán		-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
5	Các khoản phải thu khác		-	-
IV	Hàng tồn kho		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác		-	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	-
1C	Tài sản dài hạn		12,309,853	
I	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
II	Tài sản cố định		-	-
III	Bất động sản đầu tư		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
V	Tài sản dài hạn khác		12,309,853	-
	Tổng 1B+1C		12,309,853	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C		30,353,142,045		

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền công cụ thị trường tiền tệ			12,330,808,060	-
1	Tiền mặt (VND)	0%		-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	12,330,808,060	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ			-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			-	-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở GDCK TPHCM, chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	-	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCOM	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch, cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần góp vốn và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			0	0
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							1,880,520,352
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo	-	-	-	-	1,880,520,352	1,880,520,352
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyên giao chứng khoán	16%			-	-	
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyên giao chứng khoán	32%			-	-	
3	31- 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyên giao chứng khoán	48%			-	-	
4	Từ 60 ngày trở lên	100%			-	-	
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)							-
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN(B= I+II+III)							1,880,520,352

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị: VND

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tính trong vòng 12 tháng)

	Giá trị
I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	284,191,888
<i>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</i>	
1. Chi phí khấu hao	-
II. 2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	0
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	284,191,888
IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%xIII)	71,047,972
V. 20% vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5,000,000,000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})	5,000,000,000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	6,880,520,352

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1,880,520,352	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5,000,000,000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	6,880,520,352	
5.	Vốn khả dụng	30,353,142,045	
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	441.15%	